

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

2. Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Linh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 454/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 187/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1953.

- Bị đơn: Ông Lâm T, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Tổ E, khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2023, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lâm T chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà sống chung nhà của cha mẹ bà tại khu P, huyện L. Đến năm 1980 do vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nên ông Lâm T bỏ nhà đi và từ khi ông T bỏ đi, ông chưa lần nào về nhà thăm vợ, con. Trong thời gian ông T bỏ đi, cha ruột bà có đi tìm nhiều lần nhưng không có tung tích, từ đó bà cũng không tìm kiếm ông T nữa và cũng không biết ông T làm gì và hiện đang ở đâu. Vì vậy, để giải quyết vấn đề nhân thân, nên đầu năm 2023 bà có gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lâm T mất tích và đã được Tòa án ra quyết định tuyên bố ông Lâm T mất tích theo quyết định số: 06/2023/QĐST-DS ngày 28/3/2023. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lâm T.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Lâm Cẩm H1, sinh năm 1979 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do ông Lâm T không có mặt nên bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử.

- **Bị đơn ông Lâm Thanh vắng mặt không có lý do.**

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, đối với bị đơn ông Lâm T đã có quyết định của Tòa án tuyên bố mất tích và đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Theo lời khai bà H, bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978 và có 01 con chung sinh năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn. Xét bà H – ông T chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội nên được xem là hôn nhân thực tế. Trong quá trình chung sống đến năm 1980, ông T bỏ đi biệt tích đến nay không có tung tích và đã được Tòa án Tuyên bố mất tích theo yêu cầu của bà H. Nay bà H xin ly hôn đề nghị Tòa căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho bà H được ly hôn ông T.

+ Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn ông Lâm T có nơi cư trú cuối cùng tại khu P, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về sự có mặt của đương sự:* Bị đơn ông Lâm T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và đã có quyết định Tuyên bố ông Lâm T mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lâm T.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị H và ông Lâm T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1978 nhưng không có đăng ký kết hôn, nhưng quan hệ hôn nhân của ông, bà được xác lập trước ngày 03/01/1987 theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và quy định tại khoản 1 của Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10.

Quá trình chung sống tại khu P, thị trấn L, huyện L đến năm 1980, ông bà phát sinh mâu thuẫn và ông Lâm T bỏ đi từ đó đến nay không có tung tích. Tháng 10/2022, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Lâm T mất tích và đã được Tòa án nhân dân huyện Long Thành quyết định tuyên bố ông Lâm T mất tích (Theo quyết định số: 06/2023/QĐST-DS ngày 28/3/2023). Nay bà H yêu cầu được ly hôn ông T là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật nên căn cứ Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà H được ly hôn ông Lâm T.

- *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lâm Cẩm H1, sinh năm 1979 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc diện được miễn án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 68 Bộ luật dân sự; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và quy định tại khoản 1 của Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 hướng dẫn thi hành nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Lâm T về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn ông Lâm T.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Cẩm H1, sinh năm 1979 hiện đã trưởng thành nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho bà H.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND thị trấn Long Thành, H.Long Thành;
- Dương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà